|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT DUY TÂN****TỔ: TIN - TD - QP** |  | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I****MÔN: TIN HỌC. KHỐI: 12****Năm học 2022 - 2023** |

**BÀI 5: CÁC THAO TÁC CƠ BẢN TRÊN BẢNG**

**Câu 1: Cập nhật dữ liệu là:**

A. Thay đổi dữ liệu trong các bảng

B. Thay đổi dữ liệu trong các bảng gồm: thêm bản ghi mới, chỉnh sửa, xóa bản ghi

C. Thay đổi cấu trúc của bảng D. Thay đổi cách hiển thị dữ liệu trong bảng

**Câu 2: Chế độ nào cho phép thực hiện cập nhật dữ liệu trên bảng một cách đơn giản?**

A. Chế độ hiển thị trang dữ liệu B. Chế độ biểu mẫu

C. Chế độ thiết kế D. Một đáp án khác

**Câu 3: Để sắp xếp dữ liệu trường nào đó tăng dần ta chọn biểu tượng nào sau đây?**

A. Biểu tượng  B. Biểu tượng C. Biểu tượng  D. Biểu tượng 

**Câu 4: Để sắp xếp dữ liệu trường nào đó giảm dần ta chọn biểu tượng nào sau đây?**

A. Biểu tượng . B. Biểu tượng  C. Biểu tượng  D. Biểu tượng 

**Câu 5: Khẳng định nào sau đây là *sai*?**

A. Lọc là một công cụ của hệ QT CSDL cho phép tìm ra những bản ghi thỏa mãn một số điều kiện nào đó phục vụ tìm kiếm

B. Lọc tìm được các bản ghi trong nhiều bảng thỏa mãn với điều kiện lọc

C. Sử dụng lọc theo ô dữ liệu đang chọn để tìm nhanh các bản ghi có dữ liệu trùng với ô đang chọn

D. Sử dụng lọc theo mẫu để tìm các bản ghi thỏa mãn các tiêu chí phức tạp

**Câu 6: Trong Access, từ Filter có ý nghĩa gì ?**

A. Tìm kiếm dữ liệu B. Lọc dữ liệu C. Sắp xếp dữ liệu D. Xóa dữ liệu

**Câu 7: Để lọc dữ liệu theo ô đang chọn, ta chọn biểu tượng nào sau đây?**

A. Biểu tượng  B. Biểu tượng  C. Biểu tượng  D. Biểu tượng 

**Câu 8: Cho các thao tác sau:**

**(1)Nháy nút  (2) Nháy nút  (3) Chọn ô có dữ liệu cần lọc**

**Trình tự các thao tác để thực hiện được việc lọc theo ô dữ liệu đang chọn là:**

A. (3) 🡪 (1) 🡪 (2) B. (3) 🡪 (2) 🡪 (1) C. (3) 🡪 (1) D. (3) 🡪 (2)

**Câu 9: Trong Access, muốn thực hiện việc hủy lọc dữ liệu, ta nháy nút :**

A. **** B.  C.  D. ****

**Câu 10: Để lọc theo mẫu, ta chọn biểu tượng nào sau đây?**

A. Biểu tượng  B. Biểu tượng  C. Biểu tượng  D. Biểu tượng 

**Câu 11: Cho các thao tác sau:**

**(1)Nháy nút**  **(2)Nháy nút**  **(3)Nhập điều kiện lọc vào từng trường tương ứng theo mẫu**

**Trình tự các thao tác để thực hiện được việc lọc theo mẫu là:**

A. (2) 🡪 (3) 🡪 (1) B. (3) 🡪 (2) 🡪 (1) C. (1) 🡪 (2) 🡪 (3) D. (1) 🡪 (3) 🡪 (2)

**Câu 12: Để lọc ra danh sách học sinh “Nam” trong lớp, ta thực hiện:**

A. Trên trường (Giới Tính) ta nháy nút 

B. Nháy nút , rồi gõ vào chữ (“Nam”) trên trường (Giới Tính), sau đó nháy nút 

C. Trên trường (Giới Tính) ta click chuột vào một ô có giá trị là (Nam), rồi nháy nút 

D. Cả B và C đều đúng

**Câu 13: Để tìm kiếm và thay thế dữ liệu trong bảng ta chọn biểu tượng nào sau đây?**

A. Biểu tượng  B. Biểu tượng  C. Biểu tượng  D. Biểu tượng 

**BÀI 6: BIỂU MẪU**

**Câu 1: Để tạo biểu mẫu ta chọn đối tượng nào trên bảng chọn đối tượng?**

A. Queries B. Forms C. Tables D. Reports

**Câu 2: Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để :**

A. Tính toán cho các trường tính toán B. Sửa cấu trúc bảng

C. Xem, nhập và sửa dữ liệu D. Lập báo cáo

**Câu 3: Để tạo biểu mẫu, trước đó phải có dữ liệu nguồn là từ:**

A. Bảng hoặc mẫu hỏi B. Bảng hoặc báo cáo

C. Mẫu hỏi hoặc báo cáo D. Mẫu hỏi hoặc biểu mẫu

**Câu 4: Trong Access, muốn tạo biểu mẫu theo cách dùng thuật sĩ, ta chọn:**

A. Chọn Create, trong nhóm lệnh forms chọn for using Wizard

**B. Chọn Create, trong nhóm lệnh forms chọn Forms Wizard**

C. Chọn Create, trong nhóm lệnh forms chọn form Blank Wizard

D. Chọn Create, trong nhóm lệnh forms chọn form in using Wizard

**Câu 5: Cho các thao tác:**

(1) Gõ tên cho biểu mẫu rồi nháy Finish

(2) Chọn Create trong nhóm lệnh Form nháy chọn form wizard

(3) Chọn kiểu cho biểu mẫu rồi nhấn Next

(4) Chọn cách bố trí biểu mẫu rồi nhấn Next

(5) Trong hộp thoại Form Wizard, chọn bảng (hoặc mẫu hỏi) từ ô Tables/Queries, tiếp theo là chọn các trường đưa vào biểu mẫu rồi nhấn Next

Trình tự các thao tác để có thể thực hiện tạo biểu mẫu bằng cách dùng thuật sĩ sẽ là:

A. (2) → (5) → (3) → (4) → (1) **B. (2) → (5) → (4) → (3) → (1)**

C. (5) → (2) → (3) → (4) → (1) D. (2) → (3) → (4) → (5) → (1)

**Câu 6: Các thao tác thay đổi hình thức biểu mẫu, gồm**:

A. Thay đổi nội dung các tiêu đề B. Sử dụng phông chữ tiếng Việt

C. Di chuyển các trường, thay đổi kích thước trường D. Cả A, B và C đều đúng

**Câu 7: Chỉnh sửa biểu mẫu (thay đổi hình thức biểu mẫu) chỉ thực hiện được ở chế độ:**

**A. Thiết kế** B. Trang dữ liệu C. Biểu mẫu D. Thuật sĩ

**Câu 8: Phát biểu nào trong các phát biểu sau là *sai*?**

A. Chế độ biểu mẫu có giao diện thân thiện, thường được sử dụng để cập nhật dữ liệu

B. Bảng ở chế độ hiển thị trang dữ liệu có thể được sử dụng để cập nhật dữ liệu

C. Để làm việc trên cấu trúc của biểu mẫu thì biểu mẫu phải ở chế độ thiết kế

**D. Có thể tạo biểu mẫu bằng cách nhập dữ liệu trực tiếp**

**Câu 9: Trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta có thể:**

**A. Sửa đổi cấu trúc của biểu mẫu** B. Sửa đổi dữ liệu

C. Nhập và sửa dữ liệu D. Xem, sửa, xóa và nhập dữ liệu

**Câu 10: Trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta có thể:**

A. Sửa đổi thiết kế cũ, xem, sửa, xóa và nhập dữ liệu

B. Thiết kế mới cho biểu mẫu , xem, sửa đổi thiết kế cũ

C. Thiết kế mới cho biểu mẫu, xem hay sửa đổi thiết kế cũ

**D. Thiết kế mới cho biểu mẫu, xem hay sửa đổi thiết kế cũ, xem, sửa, xóa và nhập dữ liệu**

**Câu 11: Các thao tác có thể thực hiện trong chế độ thiết kế biểu mẫu, gồm**:

A. Thêm/bớt, thay đổi vị trí, kích thước các trường dữ liệu

B. Định dạng phông chữ cho các trường dữ liệu và các tiêu đề

C. Tạo những nút lệnh để đóng biểu mẫu, chuyển đến bản ghi đầu, bản ghi cuối…

**D. Cả A, B và C đều đúng**

**Câu 12: Để làm việc trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta thực hiện:**

A. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút  và nháy nút  nếu đang ở chế độ thiết kế

**B. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút  hoặc nháy nút  nếu đang ở chế độ biểu mẫu**

C. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút  và nháy nút  nếu đang ở chế độ thiết kế

D. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút  hoặc nháy nút  nếu đang ở chế độ thiết kế

**Câu 13: Thao tác nào sau đây có thể thực hiện được trong chế độ biểu mẫu?**

**A. Thêm một bản ghi mới** B. Định dạng font chữ cho các trường dữ liệu

C. Tạo thêm các nút lệnh D. Thay đổi vị trí các trường dữ liệu

**Câu 14: Phát biểu nào sau đây là *sai*?**

A. Việc cập nhật dữ liệu trong biểu mẫu thực chất là cập nhật dữ liệu trên bảng dữ liệu nguồn

B. Việc nhập dữ liệu bằng cách sử dụng biểu mẫu sẽ thuận tiện hơn, nhanh hơn, ít sai sót hơn

C. Có thể sử dụng bảng ở chế độ trang dữ liệu để cập nhật dữ liệu trực tiếp

**D. Khi tạo biểu mẫu để nhập dữ liệu thì bắt buộc phải xác định hành động cho biểu mẫu**

**BÀI 7: LIÊN KẾT GIỮA CÁC BẢNG**

**Câu 1: Liên kết giữa các bảng cho phép:**

A. Tránh được dư thừa dữ liệu C. Có thể có được thông tin tổng hợp từ nhiều bảng

C. Nhất quán dữ liệu **D. Cả A, B, C đều đúng**

**Câu 2: Để tạo liên kết giữa các bảng, ta chọn:**

**A.Database Tools/ Relationships hoặc nháy nút**  B.Tool Database/ Relationships và nháy nút 

C.Create/ Insert/ Relationships và nháy nút  D. Create/ Relationships và nháy nút 

**Câu 3: Sắp xếp các bước theo đúng thứ tự thực hiện để tạo liên kết giữa hai bảng:**

1. Kéo thả trường khóa làm liên kết từ bảng phụ tới bảng chính( trường khóa làm khóa chính)
2. Chọn các tham số liên kết
3. Hiển thị hai bảng (các trường) muốn tạo liên kết
4. Mở cửa sổ Relationships
5. 2🡪4🡪1🡪3 **B. 4🡪3🡪1🡪2** C. 4🡪2🡪3🡪1 D. 3🡪1🡪4🡪2

**Câu 4: Các bước để tạo liên kết giữa các bảng là:** 1. Chọn Database Tools\Relationships…
2. Tạo liên kết đôi một giữa các bảng 3. Đóng hộp thoại Realationships/ Yes để lưu lại
4. Chọn các bảng sẽ liên kết

**A.1, 4, 2, 3** B.2, 3, 4, 1 C.1, 2, 3, 4 D.4, 2, 3, 1

**Câu 5: Khi muốn thiết lập liên kết giữa hai bảng thì mỗi bảng phải có:**

1. **Khóa chính giống nhau** B. Số trường bằng nhau

C. Số bản ghi bằng nhau D. Khóa chính không cần giống nhau

**Câu 6: Trong Access, để tạo liên kết giữa 2 bảng thì hai bảng đó phải có hai trường thỏa mãn điều kiện:**

A. Có tên giống nhau B. Có kiểu dữ liệu giống nhau

C. Có ít nhất một trường là khóa chính **D. Cả A, B, C**

**Câu 7: Trong Access, khi tạo liên kết giữa các bảng, thì :**

**A. Phải có ít nhất một trường là khóa chính** B. Cả hai trường phải là khóa chính

C. Hai trường không nhất thiết phải là khóa chính D. Một trường là khóa chính, một trường không

**Câu 8: Điều kiện cần để tạo được liên kết là:**

**A. Phải có ít nhất hai bảng** B. Phải có ít nhất một bảng và một mẫu hỏi

C. Phải có ít nhất một bảng mà một biểu mẫu D. Tổng số bảng và mẫu hỏi ít nhất là 2

**Câu 9: Điều kiện để tạo mối liên kết giữa hai bảng là :**

**A. Trường liên kết của hai bảng phải cùng kiểu dữ liệu** B. Trường liên kết của hai bảng phải là chữ hoa

C. Trường liên kết của hai bảng phải là kiểu dữ liệu số D. Trường liên kết của hai bảng phải khác nhau về kiểu dữ liệu

**Câu 10: Tại sao khi lập mối quan hệ giữa hai trường của hai bảng nhưng Access lại không chấp nhận**

A. Vì bảng đã nhập dữ liệu nhưng chưa chọn khóa chính

B. Vì một hai bảng này đang sử dụng (mở cửa sổ table)

C. Vì hai trường tham gia vào dây quan hệ khác kiểu dữ liệu (data type), khác chiều dài (field size)

**D. Các câu B và C đều đúng**

**Câu 11: Khi liên kết bị sai, ta có thể sửa lại bằng cách chọn đường liên kết cần sửa, sau đó:**

**A. Nháy đúp vào đường liên kết 🡒 chọn lại trường cần liên kết**

B. Edit 🡒 RelationShip

C. Tools 🡒 RelationShip 🡒 Change Field

D. Chọn đường liên kết giữa hai bảng đó và nhấn phím Delete

**Câu 12: Muốn xóa liên kết giữa hai bảng, trong cửa sổ Relationships ta thực hiện:**

1. Chọn hai bảng và nhấn phím Delete

**B. Chọn đường liên kết giữa hai bảng đó và nhấn phím Delete**

C. Chọn tất cả các bảng và nhấn phím Delete D. Cả A, B, C đều sai

**BÀI 8: TRUY VẤN DỮ LIỆU**

**Câu 1: Truy vấn dữ liệu có nghĩa là:**

1. In dữ liệu **C. Tìm kiếm và hiển thị dữ liệu**
2. Cập nhật dữ liệu D. Xóa các dữ liệu không cần đến nữa

**Câu 2: Nếu những bài toán mà câu hỏi chỉ liên quan tới một bảng, ta có thể:**

**A. Thực hiện thao tác tìm kiếm và lọc trên bảng hoặc biểu mẫu** B. Sử dụng mẫu hỏi

C. A và B đều đúng D. A và B đều sai

**Câu 3: Nếu những bài toán phức tạp, liên quan tới nhiều bảng, khi thực hiện thao tác tìm kiếm và lọc ta, sử dụng: A. Mẫu hỏi** B. Bảng C. Báo cáo D. Biểu mẫu

**Câu 4: Để hiển thị một số bản ghi nào đó trong cơ sở dữ liệu, thống kê dữ liệu, ta dùng:**

**A. Mẫu hỏi** B. Câu hỏi C. Liệt kê D. Trả lời

**Câu 5: Trước khi tạo mẫu hỏi để giải quyết các bài toán liên quan tới nhiều bảng, thì ta phải thực hiện thao tác nào?**

A. Thực hiện gộp nhóm **B. Liên kết giữa các bảng**

C. Chọn các trường muốn hiện thị ở hàng Show D. Nhập các điều kiện vào lưới QBE

**Câu 6: Mẫu hỏi thường được sử dụng để:**

A. Sắp xếp các bản ghi, chọn các trường để hiển thị, thực hiện tính toán

B. Chọn các bản ghi thỏa mãn điều kiện cho trước

C. Tổng hợp và hiển thị thông tin từ nhiều bảng hoặc mẫu hỏi khác

**D. Cả A, B và C**

**Câu 7: Các chế độ làm việc với mẫu hỏi là:**

A. Mẫu hỏi B. Mẫu hỏi và thiết kế

**C. Trang dữ liệu và thiết kế** D. Trang dữ liệu và mẫu hỏi

**Câu 8: Kết quả thực hiện mẫu hỏi cũng đóng vai trò như:**

**A. Một bảng** B. Một biểu mẫu C. Một báo cáo D. Một mẫu hỏi

**Câu 9: Kết quả thực hiện mẫu hỏi có thể tham gia vào việc tạo ra:**

A. Bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi hay báo cáo B. Bảng, biểu mẫu khác, mẫu hỏi khác hay các trang khác

**C. Bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi khác hay báo cáo** D. Bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi khác

**Câu 10: “ /” là phép toán thuộc nhóm:**

A. Phép toán so sánh **B. Phép toán số học** C. Phép toán logic D. Không thuộc các nhóm trên

**Câu 11: “ >=” là phép toán thuộc nhóm:**

**A. Phép toán so sánh** B. Phép toán số học C. Phép toán logic D. Không thuộc các nhóm trên

**Câu 12: “ not” là phép toán thuộc nhóm:**

A. Phép toán so sánh B. Phép toán số học **C. Phép toán logic** D. Không thuộc các nhóm trên

**Câu 13: Phát biểu nào *sai* trong các phát biểu sau khi nói về mẫu hỏi?**

A. Biểu thức số học được sử dụng để mô tả các trường tính toán

B. Biểu thức logic được sử dụng khi thiết lập bộ lọc cho bảng, thiết lập điều kiện lọc để tạo mẫu hỏi

**C. Hằng văn bản được viết trong cặp dấu nháy đơn**

D. Hàm gộp nhóm là các hàm như: SUM, AVG, MIN, MAX, COUNT

**Câu 14: Để xem hay sửa đổi thiết kế của mẫu hỏi, trước tiên ta chọn mẫu hỏi rồi nháy nút:**

A.  B.  C.  **D.  hoặc **

**Câu 15: Cửa sổ mẫu hỏi ở chế độ thiết kế gồm hai phần là:**

**A. Phần trên (dữ liệu nguồn) và phần dưới (lưới QBE)**

B. Phần định nghĩa trường và phần khai báo các tính chất của trường

C. Phần chứa dữ liệu và phần mô tả điều kiện mẫu hỏi D. Phần tên và phần tính chất

**Câu 16: Khi xây dựng các truy vấn trong Access, để sắp xếp các trường trong mẫu hỏi, ta nhập điều kiện vào dòng nào trong lưới QBE?**

A. Criteria B. Show **C. Sort** D.Field

**Câu 17: Trong lưới QBE của cửa sổ mẫu hỏi (mẫu hỏi ở chế độ thiết kế) thì hàng Criteria có ý nghĩa gì?**

**A. Mô tả điều kiện để chọn các bản ghi đưa vào mẫu hỏi** B. Xác định các trường xuất hiện trong mẫu hỏi

C. Xác định các trường cần sắp xếp D. Khai báo tên các trường được chọn
**Câu 18: Bảng DIEM có các trường GIUAKY, CUOIKY. Để tìm những học sinh có điểm giữa kỳ trên 7 và điểm thi cuối kỳ trên 5, trong dòng Criteria của trường HOC\_KY, biểu thức điều kiện nào sau đây là đúng:**A. GIUAKY > 7 AND CUOIKY >5 **B. [GIUAKY] > 7 AND [CUOIKY]>5**C. [GIUAKY] > 7 OR [CUOIKY]>5 D. [GIUAKY] > "7" AND [CUOIKY]>"5"

**Câu 19: Bảng DIEM có các trường GIUAKY, CUOIKY. Trong Mẫu hỏi, biểu thức số học để tạo trường mới TRUNG\_BINH, lệnh nào sau đây là đúng:**

**A. TRUNG\_BINH:(2\* [GIUAKY] + 3\*[CUOIKY])/5** B. TRUNG\_BINH:(2\* GIUAKY + 3\*CUOIKY)/5

C. TRUNG\_BINH:(2\* [GIUAKY] + 3\*[ CUOIKY]):5 D. TRUNG\_BINH=(2\* [GIUAKY] + 3\*[ CUOIKY])/5

**Câu 20: Khi hai (hoặc nhiều hơn) các điều kiện được kết nối bằng AND hoặc OR, kết quả được gọi là:**

A. Tiêu chuẩn đơn giản **B. Tiêu chuẩn phức hợp**

C. Tiêu chuẩn mẫu D. Tiêu chuẩn kí tự

**Câu 21: Để thêm hàng Total vào lưới thiết kế QBE, ta nháy vào nút lệnh:**

A.  B.  C.  **D. **

Câu 22: Để thực hiện mẫu hỏi (đưa ra kết quả của truy vấn) ta có thể sử dụng cách nào sau đây?

1. Nháy nút  C. Nháy nút 
2. Chọn lệnh View🡪 Datasheet View D. Cả 3 cách trên đều đúng

**Câu 23: Nếu thêm nhầm một bảng làm dữ liệu nguồn trong khi tạo mẫu hỏi, để bỏ bảng đó khỏi cửa sổ thiết kế, ta thực hiện:**

A. Edit🡪 Delete B. Query🡪 Remove Table

C. Chọn bảng cần xóa rồi nhấn phím Backspace D. Tất cả đều đúng

**Câu 24: Để thêm bảng làm dữ liệu nguồn cho mẫu hỏi, ta nháy nút lệnh:**

A.  B.  C.  D. 

**Câu 25: Trong cửa sổ CSDL đang làm việc, để mở một mẫu hỏi đã có, ta thực hiện :**

A.Queries/ Nháy đúp vào tên mẫu hỏi. B.Queries/ nháy nút Design.

C.Queries/ Create Query by using Wizard D.Queries/ Create Query in Design Wiew.

**Câu 26: Trong cửa sổ CSDL đang làm việc, để tạo một Mẫu hỏi mới bằng cách dùng thuật sĩ, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?**A. Chọn Tables /Create Table in Design View B. Chọn Queries/Create Query by using wizard
C. Chọn Queries/Create Query in Design View D. Chọn Forms /Create Form by using wizard

**Câu 27: Trình tự thao tác để tạo mẫu hỏi bằng cách tự thiết kế, biết:**

 (1) Chọn bảng hoặc mẫu hỏi khác làm dữ liệu nguồn

 (2) Nháy nút 

(3) Nháy đúp vào Create query in Design view

(4) Chọn các trường cần thiết trong dữ liệu nguồn để đưa vào mẫu hỏi

(5) Mô tả điều kiện mẫu hỏi ở lưới QBE

A. (1) -> (3) -> (4) -> (5) ->(2) B. (3) -> (1) -> (4) -> (5) ->(2)

C. (3) -> (1) -> (5) -> (4) ->(2) D. (3) -> (4) -> (5) -> (1) ->(2)

**Câu 28: Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về mẫu hỏi?**

A. Trên hàng Field có tất cả các trường trong các bảng liên quan đến mẫu hỏi

B. Ngầm định các trường đưa vào mẫu hỏi đều được hiển thị

C. Có thể thay đổi thứ tự các trường trong mẫu hỏi

D. Avg, Min, Max, Count là các hàm tổng hợp dữ liệu

**Câu 29: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về mẫu hỏi?**

A. Lưới QBE là nơi người dùng chọn các trường để đưa vào mẫu hỏi, thứ tự sắp xếp và xác định điều kiện

B. Thứ tự sắp xếp cần được chỉ ra ở hàng Total

C. Mỗi trường trên hàng Field chỉ xuất hiện đúng một lần

D. Mỗi mẫu hỏi phải dùng hai bảng dữ liệu nguồn trở lên